

THỰC TRẠNG CHUỖI GIÁ TRỊ VÁN BÓC TẠI TỈNH YÊN BÁI

Nguyễn Gia Kiêm¹, Võ Đại Hải², Trần Quốc Khánh³,
Hoàng Tuấn Huy¹, Nguyễn Xuân Hậu¹

¹Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp

²Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

³Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC Chi cục Kiểm lâm Điện Biên

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực trạng chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái được thực hiện với 96 hộ gia đình trồng rừng (HGD), 01 công ty lâm nghiệp, 05 thương nhân thương mại gỗ, 09 cơ sở chế biến ván bóc và một số cán bộ quản lý ở địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy, chuỗi giá trị ván bóc tỉnh Yên Bái được cấu trúc gồm 4 khâu chính, bao gồm: (1) Trồng rừng tạo nguyên liệu; (2) Khai thác, vận chuyển, thương mại gỗ; (3) Chế biến ván bóc; (4) Thương mại ván bóc. Gỗ nguyên liệu cho sản xuất ván bóc chủ yếu từ gỗ Keo tai tượng có chu kỳ kinh doanh rừng tối thiểu 6 năm, được cung cấp từ HGD và công ty lâm nghiệp, quy cách đường kính gỗ tối thiểu là 10 cm và không có chứng chỉ rừng (CCR). 93,7% sản lượng ván bóc được sản xuất bởi cơ sở chế biến quy mô HGD. Thị trường chính tiêu thụ ván bóc là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và sản lượng nhỏ ván bóc cho sản xuất ván dán tại các doanh nghiệp chế biến trong nước. Chuỗi giá trị ván bóc còn gặp nhiều tồn tại trong sản xuất như: các hộ trồng rừng không rõ nguồn gốc cây giống, chất lượng cây giống không cao, vị trí lô rừng ở đồi núi dốc cao dẫn đến chi phí trồng và khai thác lớn, thiếu liên kết bền vững theo chuỗi giá trị, thị trường ván bóc hoàn toàn phụ thuộc thị trường Trung Quốc, biến động giá lớn và nhiều rủi ro về thị trường, công nghệ sản xuất ván bóc chưa hiện đại, chưa đảm bảo được chất lượng ván bóc để có thể tham gia các thị trường quốc tế có yêu cầu chất lượng cao.

Từ khóa: Thực trạng, chuỗi giá trị, ván bóc, tỉnh Yên Bái.

CURRENT STATUS OF PEELING BOARD VALUE CHAIN IN YEN BAI PROVINCE

Nguyễn Gia Kiêm¹, Võ Đại Hải², Trần Quốc Khánh³, Hoàng Tuấn Huy¹, Nguyễn Xuân Hậu¹

¹Forestry Economic Research Center

²Vietnamese Academy of Forest Sciences

³Ranger mobile post and forest fire prevention and control, Dien Bien Forest Protection Department

SUMMARY

The study on the current status of peeling board value chain in Yen Bai province was conducted with 96 plantation households, 01 forestry company, 05 timber traders, 09 peeling board processing facilities and some local managers. The survey results show that the value chain of peeling boards in Yen Bai province is structured into 4 main stages, including: (1) Planting forests to create raw materials; (2) Timber harvesting, transportation, and trade; (3) Processing of peeling board; (4) Trade. Wood raw materials for peeled board production are mainly from Acacia mangium wood with a minimum forest business cycle of 6 years, supplied from households and forestry companies, with a minimum wood diameter specification of 10cm and no forest certificate. 93.7% of peeled board output is produced by household-scale processing facilities. The main market for peeling board consumption is export to the Chinese market and small output of peeling board for plywood production at domestic processing enterprises. The value chain of peeled boards still encounters many shortcomings in production such as: afforestation households of unknown seedling origin, low quality of seedlings, location of forest plots in steep hills leading to large planting and exploitation costs, lack of sustainable links along the value chain, The peeling board market completely depends on the Chinese market, large price fluctuations and many market risks, the production technology of peeling boards is not modern, not ensuring the quality of peeling boards to be able to participate in international markets with high quality requirements.

Keywords: Current status, value chain, peeling board, Yen Bai province.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo sự liên kết giữa các khâu trồng rừng với chế biến và thương mại lâm sản nhằm đảm bảo tính bền vững là một yêu cầu bắt buộc trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là quan điểm và định hướng chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được nêu rõ trong Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 10/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 327/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030, trong đó nêu rõ: “*Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả, theo chuỗi giá trị từ trồng rừng, khai thác rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; bảo đảm nguyên liệu gỗ hợp pháp trong chế biến, thương mại gỗ và sản phẩm gỗ*”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Yên Bái có khoảng 520 cơ sở chế biến gỗ, trong đó có trên 300 cơ sở sản xuất ván bóc, cho thấy, tầm quan trọng của sản xuất ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Trong tổng số 520 cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 44 doanh nghiệp, công ty và 476 hộ cá thể. Để nâng cao hiệu quả kinh tế, giá trị các sản phẩm gỗ và đảm bảo thuận lợi trong việc truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp, một số doanh nghiệp chế biến lớn đã đi vào sản xuất nâng cao giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng khép kín chu trình theo chuỗi giá trị, tạo lập sự gắn kết trong sản xuất giữa vùng nguyên liệu với nhà máy chế biến. Chất lượng và khối lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, với thực trạng sản xuất chủ yếu là các cơ sở chế biến nhỏ quy mô hộ gia đình với hệ thống trang thiết bị thô sơ, năng suất và chất lượng sản phẩm chưa cao, chuỗi sản xuất ván bóc tại tỉnh Yên Bái đang gặp khá nhiều khó khăn, đặc biệt trong việc đảm bảo yêu cầu gỗ hợp pháp và truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng

theo chuỗi giá trị, hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa đảm bảo liên kết theo chuỗi giá trị,....

Bài viết này trình bày kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái, từ đó nhận diện những khó khăn, tồn tại cần phải giải quyết nhằm góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của chuỗi giá trị ván bóc.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chung được áp dụng là đánh giá nông thôn có sự tham gia (Participatory Rural Appraisal) với công cụ chính là phỏng vấn bán cấu trúc. Quá trình nghiên cứu được thực hiện qua 2 bước:

Bước 1: Phỏng vấn các cơ quan quản lý chuyên trách về lâm nghiệp là Sở NN&PTNT và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái để nắm bắt tình hình chung về sản xuất ván bóc, cấu trúc và đặc điểm của chuỗi giá trị ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ khâu tạo nguyên liệu cho đến khai thác, vận chuyển và chế biến, thương mại ván bóc. Đối tượng phỏng vấn ở mỗi đơn vị là 1 lãnh đạo và 2 cán bộ kỹ thuật. Trên cơ sở kết quả phỏng vấn, đã chọn 2 xã Phú Thịnh và Đại Đồng, huyện Yên Bình làm địa điểm nghiên cứu đánh giá chi tiết.

Bước 2: Tiến hành khảo sát, đánh giá chi tiết các khâu trong chuỗi giá trị ván bóc, cụ thể như sau:

* *Khâu trồng rừng tạo nguyên liệu:*

Chọn ngẫu nhiên 96 hộ gia đình có trồng rừng nguyên liệu cung cấp cho sản xuất ván bóc, trong đó 57 hộ gia đình tại xã Phú Thịnh và 39 hộ gia đình tại xã Đại Đồng và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao (huyện Văn Chấn) để phỏng vấn kết hợp với khảo sát thực địa rừng trồng. Nội dung phỏng vấn hộ gia đình và Công ty tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Diện tích rừng trung bình/hộ (diện tích trồng rừng của công ty); nguồn lực tài chính và lao động của chủ rừng.

- Loài cây trồng rừng, giống cây sử dụng trong trồng rừng.

- Các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.
- Chu kỳ kinh doanh, sản phẩm.
- Những khó khăn, tồn tại và đề xuất kiến nghị.

** Khâu khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ nguyên liệu:*

- Đối tượng phỏng vấn gồm: 96 hộ trồng rừng đã lựa chọn trên đây và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao; ngoài ra, chọn 5 thương lái chuyên thực hiện mua rừng, khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ trên địa bàn huyện Yên Bình, Yên Bái.

- Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề sau đây:
 - + Phương thức tổ chức khai thác rừng, vận chuyển gỗ sau khai thác.
 - + Thiết bị khai thác và vận chuyển gỗ.
 - + Nơi bán gỗ khai thác.
 - + Mọi liên kết với các hộ/công ty trồng rừng và cơ sở chế biến ván bóc.
 - + Những khó khăn, tồn tại.

** Khâu chế biến và thương mại ván bóc:*

- Đối tượng: Lựa chọn 4 doanh nghiệp chế biến và 5 cơ sở chế biến ván bóc quy mô hộ gia đình.

- Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề sau đây:

- + Nguồn nguyên liệu mua tại đâu, loài cây, kích thước cây, khối lượng sử dụng/năm.
- + Nguồn nhân lực sử dụng.
- + Trang thiết bị chế biến.
- + Sản phẩm ván bóc bán cho ai.
- + Mọi quan hệ với người trồng rừng và thương lái.
- + Những khó khăn, tồn tại.

Các số liệu thu thập được sẽ được tổng hợp và xử lý trên phần mềm Excel.

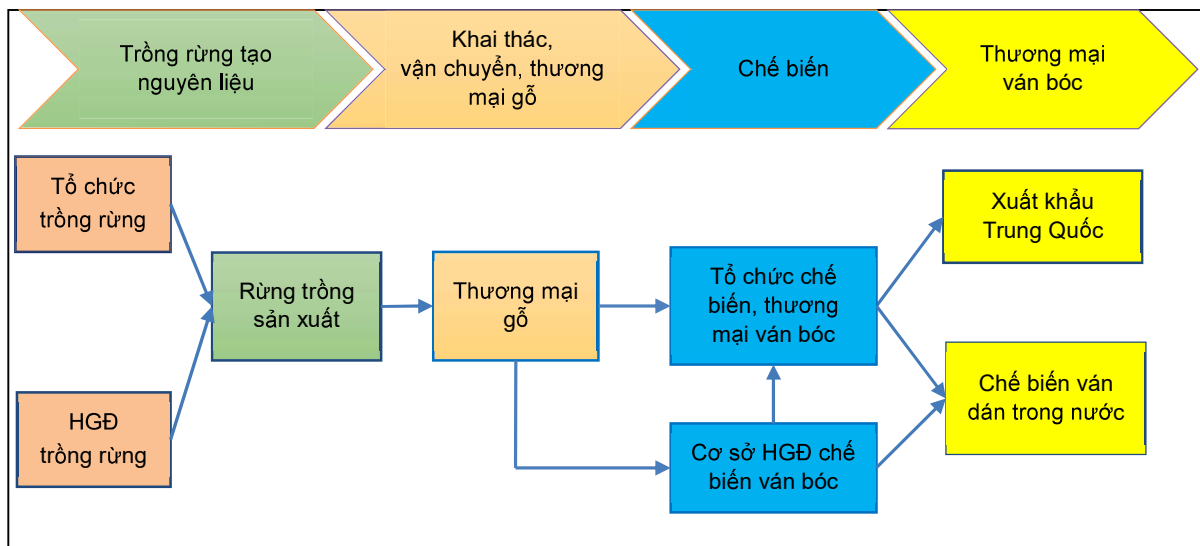
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cấu trúc và đặc điểm chung chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái

Kết quả điều tra, khảo sát tại tỉnh Yên Bái cho thấy, chuỗi giá trị ván bóc tỉnh Yên Bái được cấu trúc gồm 4 khâu chính, bao gồm:

- Khâu trồng rừng tạo nguyên liệu;
- Khâu khai thác, vận chuyển, thương mại gỗ;
- Khâu chế biến ván bóc;
- Khâu thương mại ván bóc.

Sơ đồ cấu trúc chuỗi giá trị ván bóc được trình bày ở hình 1.



Hình 1. Sơ đồ cấu trúc chuỗi giá trị ván bóc tỉnh Yên Bái

Tại mỗi khâu trong chuỗi giá trị đều có sự tham gia của các tác nhân theo hai hình thức tổ chức sản xuất là hình thức sản xuất theo quy mô hộ gia đình và theo hình thức tổ chức/doanh nghiệp chế biến. Gỗ nguyên liệu được đưa vào chế biến ván bóc có quy cách đường kính tối thiểu từ 10 cm và 100% do các cơ sở thương mại gỗ chọn lọc và vận chuyển tới nhà máy chế biến. Tại khâu chế biến, các cơ sở quy mô hộ gia đình sẽ sản xuất ván bóc sau đó được các trung gian thương mại, các doanh nghiệp chế biến quy mô lớn thu mua để chế biến ván dán hoặc xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

3.2. Thực trạng trồng rừng nguyên liệu trong chuỗi giá trị ván bóc

Trồng rừng sản xuất tạo nguyên liệu cho chế biến gỗ là khâu đầu tiên trong chuỗi giá trị ván bóc, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp gỗ nguyên liệu có chất lượng cho chế biến ván bóc. Có 2 nhóm chủ rừng chính là các hộ gia đình trồng rừng và công ty lâm nghiệp. Nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn 96 hộ gia đình và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao về kỹ thuật trồng rừng sản xuất tạo nguyên liệu cho chế biến ván bóc, kết quả được tổng hợp trong bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp các biện pháp kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng sản xuất

Nội dung	Hộ gia đình trồng rừng	Công ty TNHH MTV LN Ngòi Lao
Diện tích rừng	Trung bình 3,5 ha/hộ	1.500,117 ha
Quyền sử dụng đất	- 76,4% diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - 23,6% diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hộ khai hoang và sử dụng được 2 - 3 chu kỳ kinh doanh rừng trồng.	Công ty được UBND tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.
Loài cây	- Keo tai tượng: chiếm 94,2% - Keo lai: chiếm 4,0% - Bạch đàn: chiếm 1,8%	- Keo tai tượng: chiếm 70% - Keo lai: chiếm 5% - Cây khác (Bồ đề, Bạch đàn): 25%
Nguồn giống	- Trên 80% diện tích rừng sử dụng cây Keo tai tượng mua từ đại lý cây giống quy mô hộ gia đình trên địa bàn tỉnh. - 10% diện tích rừng sử dụng cây Keo tai tượng mua từ các công ty lâm nghiệp trên địa bàn. - 10% diện tích rừng sử dụng cây Keo tai tượng (nhập nội) được cơ quan kiểm lâm địa phương cấp theo chính sách hỗ trợ của tỉnh.	- Nhập keo hạt từ Úc và tự sản xuất giống để trồng rừng (97 - 98% số lượng cây giống trồng rừng của đơn vị). - Mua cây keo mô (2 - 3% số lượng cây giống trồng rừng).
Phương thức trồng	Thuần loài	Thuần loài
Mật độ trồng	- 1.330 - 1.600 cây/ha: chiếm 11,4% - 1.661 - 2.500 cây/ha: chiếm 30,9% - 2.501 - 4.000 cây/ha: chiếm 57,7%	- Keo, bạch đàn: 1.666 cây/ha - Bồ đề: 2.000 cây/ha (gieo hạt thẳng)
Xử lý thực bì	- 61,5 HGD phát và đốt có kiểm soát thực bì. - 38,5% HGD phát và không đốt thực bì.	- Phát toàn diện thực bì (chiều cao gốc chặt không quá 10 cm), băm dập thành những đoạn ngắn xếp gọn theo đường đồng mức, không đốt. Phát trước khi trồng 1 - 2 tháng. - Công ty đang xây dựng phương án QLRBV.
Làm đất	Cuốc hố thủ công, kích thước hố chủ yếu là 30 × 30 × 30 cm.	Làm đất bằng phương pháp thủ công kích thước hố 40 × 40 × 40 cm đối với hố trồng keo.
Bón phân	- Bón lót: phân NPK: 100 - 200 g/hố hoặc dùng phân NPK (xuất xứ Trung Quốc): 100 - 200 g/hố; - Bón thúc: Một số hộ dân bón phân NPK 150 - 250 g/gốc.	- Phân NPK (10 - 5 - 5 - 9s), nguồn gốc phân sản xuất tại Nhà máy Phân lân Supe phốt phát Lâm Thao - Phú Thọ. - Lượng bón 200 g/hố.

Nội dung	Hộ gia đình trồng rừng	Công ty TNHH MTV LN Ngòi Lao
Chăm sóc	- Phát chăm sóc từ năm 1 đến năm 3. - Số lượng: 2 lần/năm. - Phát thủ công và bằng máy.	- Phát chăm sóc trong cả chu kỳ. - Số lượng: 2 lần/năm. - Phát thủ công và bằng máy .
Phòng trừ sâu bệnh	Chưa phát hiện sâu bệnh hại trên diện rộng nhưng người dân cũng không có kỹ năng và kiến thức về phòng trừ sâu bệnh hại rừng trồng keo.	Chưa phát hiện bệnh trên diện rộng.
Tỉa cành	Không tỉa cành	Không tỉa cành
Tỉa thưa	Tỉa cây 2 thân, cây sinh trưởng kém, cây gãy ngọn, tỉa thưa 1 lần trong năm thứ 2 hoặc năm thứ 3. Không vệ sinh rừng sau tỉa thưa.	Tỉa thưa cây chết, 2 thân, mất tán, trong 3 năm đầu khi thực hiện chăm sóc cây.
Chu kỳ kinh doanh	- 50% rừng 6 năm. - 40% rừng 7 năm. - 10% rừng 8 năm.	- Keo và Bò đê: 8 năm. - Bạch đàn: 5 năm.
Mối liên kết trong trồng rừng	- Có 27,8% số hộ trồng rừng có liên kết theo nhóm hộ theo hình thức đổi công trong sản xuất. - Không có liên kết dọc với thương lái và cơ sở chế biến gỗ.	- Công ty liên kết với HGĐ theo hình thức giao khoán đất lâm nghiệp (90% diện tích cho trên 300 hộ gia đình tại địa phương). - Không có liên kết dọc với các cơ sở chế biến gỗ.

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát

Từ bảng tổng hợp trên cho thấy, diện tích rừng trồng sản xuất của các hộ gia đình trung bình 3,5 ha/hộ và được chia thành nhiều lô rừng khác nhau, nhìn chung là diện tích không lớn và khá phân tán; diện tích rừng trồng công ty TNHH MTV LN Ngòi Lao là 1.500,117 ha. Loài cây trồng rừng chủ yếu là Keo tai tượng, đây cũng là nguyên liệu chính sử dụng cho sản xuất ván bóc.

Nguồn giống trồng rừng đối với công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao là các giống nhập từ Úc có chất lượng cao, nguồn gốc rõ ràng về Việt Nam và công ty tự tổ chức sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng. Đối với các hộ gia đình, do quy mô diện tích nhỏ nên người dân không tự tổ chức sản xuất cây giống mà đi mua từ nhiều nguồn khác nhau (vườn ươm hộ gia đình, công ty, được kiểm lâm cấp phát), trong đó có 68,6% số hộ gia đình biết biết rõ nơi bán và nguồn cây giống. Bên cạnh đó, chất lượng cây giống trên địa bàn chưa cao, các hộ dân chưa có kiến thức sâu để đánh giá và lựa chọn cây giống có chất lượng tốt. Cây giống Keo tai tượng 100% là

cây sản xuất từ hạt. Rừng được trồng với phương thức thuần loài với mật độ trồng rừng biến động khá mạnh, đối với hộ gia đình chủ yếu trồng với mật độ cao 2.500 - 4.000 cây/ha (chiếm 57,7%), mật độ thấp 1.330 - 1.600 cây/ha chỉ chiếm 11,4%. Trong khi đó, công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao chỉ trồng mật độ 1.666 cây/ha. Nhìn chung, các biện pháp kỹ thuật trồng rừng từ khâu xử lý thực bì cho đến khi khai thác của công ty có mức độ đầu tư cao hơn như xử lý thực bì phát toàn diện nhưng không đốt, kích thước hố trồng cây to hơn 40 × 40 × 40 cm, liều lượng phân bón cao hơn (200 g NPK/hố). Các hộ gia đình chủ yếu áp dụng các biện pháp kỹ thuật truyền thống với sự đầu tư thấp hơn, chu kỳ kinh doanh ngắn hơn.

3.3. Thực trạng khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ trong chuỗi giá trị ván bóc

Kết quả điều tra, khảo sát thực trạng khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ trong chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Khai thác rừng, vận chuyển và thương mại gỗ trên địa bàn

Khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ	Tỷ lệ (%)
I. Phương thức khai thác rừng	
1.1. Chủ rừng tự tổ chức khai thác hoặc thuê dịch vụ khai thác rừng	9,4
1.2. Thương lái mua rừng và tổ chức khai thác rừng	90,6
II. Hình thức giao dịch trong mua bán rừng	
2.1. Không có văn bản giao dịch mua bán rừng	67,0
2.2. Có văn bản giao dịch mua bán rừng viết tay	33,0
III. Vận chuyển và thương mại gỗ sau khai thác	
- Gỗ sau khai thác được phân loại theo kích thước đường kính: Gỗ nhỏ ($D_{1,3} < 10$ cm) sẽ vận chuyển bán cho các cơ sở sản xuất dăm hoặc giấy; Gỗ lớn ($D_{1,3} > 10$ cm) vận chuyển bán cho các cơ sở chế biến ván bóc, gỗ xẻ,...	70,3
- Gỗ sau khai thác không được phân loại và chuyển đến nhà máy dăm, giấy để bán	29,7
IV. Mối liên kết giữa trồng rừng và chế biến	
Chưa có mối liên kết giữa trồng rừng và các cơ sở chế biến ván bóc trên địa bàn.	

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát

Kết quả điều tra cho thấy, các thương lái mua rừng và tổ chức khai thác rừng là phương thức chủ yếu nhất trên địa bàn nghiên cứu, chiếm 90,6%. Theo phương thức này, các hộ gia đình bán cây đứng cho các thương lái theo hình thức thỏa thuận miệng (không có văn bản thỏa thuận mua bán) là chính với 67%, các hình thức giao dịch mua bán có thỏa thuận bằng giấy tờ chỉ chiếm 33%. Theo ý kiến của đa số hộ gia đình thì năng lực của hộ gia đình rất hạn chế về tài chính, khả năng tổ chức khai thác và thương mại gỗ sau khai thác cũng như hiểu biết các thủ tục khai thác rừng nên họ muốn bán gọn rừng cho thương lái. Chỉ có 9,4% số hộ gia đình có tiềm lực mới tự tổ chức khai thác hoặc thuê dịch vụ khai thác rừng. Đối với công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao, việc mua bán rừng trồng được thực hiện theo hình thức đấu thầu.

Các thương lái thu mua rừng và khai thác gỗ nguyên liệu đều có quy mô vốn hoạt động từ 400 triệu đến dưới 1,5 tỷ đồng, cho thấy, lượng vốn của thương lái cho hoạt động thu mua khai thác gỗ không quá lớn, chỉ nằm ở mức trung bình. Các thiết bị khai thác chủ yếu là cưa xăng và sử dụng nhóm lao động địa

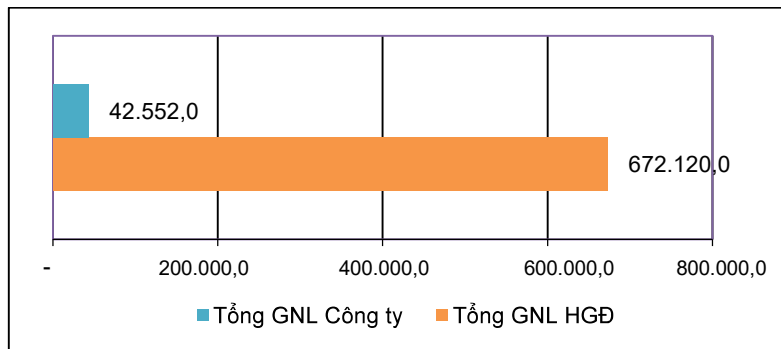
phương do một người đứng ra tổ chức. Qua phỏng vấn cho thấy, 100% lực lượng lao động của các nhóm tham gia thu mua khai thác rừng khoảng từ 5 - 10 người/nhóm. Các lao động này đều là lao động thời vụ, không tham gia bảo hiểm xã hội. Tác nhân khai thác rừng, vận chuyển và thương mại gỗ là cầu nối giữa các chủ rừng và cơ sở chế biến. Có đến 70,3% sản lượng gỗ sau khai thác được các đối tượng này phân loại theo các quy cách phù hợp với từng loại hình chế biến sản phẩm gỗ như: gỗ nhỏ phân loại cho dăm, gỗ có đường kính trên 10 cm được phân loại dùng chế biến ván bóc, gỗ xẻ, đồ gỗ nội thất. Ngoài ra, có đến 29,7% sản lượng gỗ sau khai thác không được phân loại và chuyển thẳng đến bán cho các nhà máy chế biến dăm, giấy.

Hiện nay, do nhu cầu gỗ cho các cơ sở chế biến tăng nhanh dẫn đến mất cân đối giữa cung và cầu trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào, xảy ra việc khai thác cây chưa đủ tuổi, gỗ non nhiều, làm giảm hiệu quả kinh tế, bên cạnh đó sẽ tạo ra sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu gỗ lớn và chất lượng cho công nghiệp chế biến sản phẩm đồ gỗ.

3.4. Thực trạng chế biến ván bóc trong chuỗi giá trị

Tính đến tháng 4 năm 2022, trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 362 cơ sở chế biến ván bóc, trong đó có 329 cơ sở quy mô HGD và 33 cơ sở quy mô tổ chức (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái, 2022). Qua đây có thể thấy, sản xuất ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái chủ yếu được thực hiện ở quy mô HGD. Sản lượng ván bóc toàn tỉnh mới đạt khoảng 430.892 m³/năm, so sánh

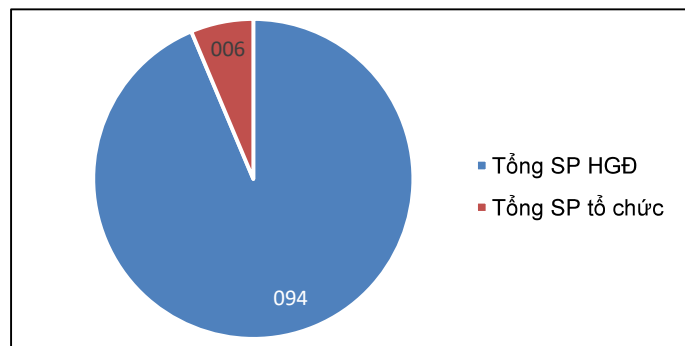
với tổng công suất thiết kế sản xuất của các cơ sở chế biến ván bóc trên toàn tỉnh sản lượng này còn rất nhỏ so với công suất thiết kế. Nguyên nhân là do thiếu lượng nguyên liệu đầu vào và hạn chế về thị trường đầu ra của ván bóc. Lượng nguyên liệu cần thiết cho sản xuất ván bóc của tỉnh Yên Bái khoảng 714.672 m³ gỗ nguyên liệu/năm, trong đó 42.552 m³ gỗ cho doanh nghiệp chế biến và 672.120 m³ gỗ cho HGD chế biến. Chi tiết được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1. Tổng lượng gỗ nguyên liệu cần thiết cho chế biến ván bóc (ĐVT: m³)

Tổng hợp số liệu từ Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái cho thấy, tỷ lệ sản phẩm ván bóc từ các cơ sở quy mô hộ gia đình chiếm 93,7% sản lượng ván bóc toàn tỉnh, trong khi đó tỷ lệ sản phẩm ván bóc từ các tổ chức/doanh nghiệp sản xuất

chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ 6,3% tổng sản lượng toàn tỉnh. Điều này cho thấy, tình trạng chế biến ván bóc trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhỏ lẻ; các tổ chức chế biến có quy mô không lớn. Chi tiết được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



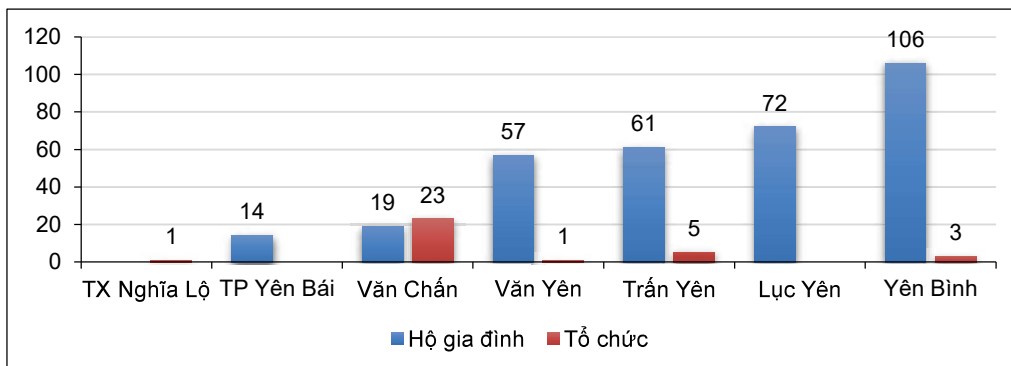
Biểu đồ 2. Tỷ lệ sản phẩm ván bóc theo quy mô HGD và tổ chức (ĐVT: %)

Số lượng các cơ sở chế biến ván bóc theo quy mô HGD tập trung chủ yếu ở huyện Yên Bình với 106 cơ sở, chỉ có 3 cơ sở là tổ chức. Huyện Lục Yên có số cơ sở hộ gia đình chế biến ván bóc tương đối lớn là 72 cơ sở, trong đó có đến

54 cơ sở đã dừng sản xuất do đầu ra không đảm bảo thường xuyên và thiếu hụt nguồn nguyên liệu. Tại thành phố Yên Bái, do đặc điểm dân cư và quy mô ảnh hưởng đến địa điểm sản xuất nên không có cơ sở chế biến là tổ chức hoạt

động, chỉ có 14 cơ sở chế biến quy mô hộ gia đình. Số lượng cơ sở chế biến ván bóc tại huyện Văn Chấn có quy mô đồng đều hơn với 19 hộ gia đình và 23 tổ chức sản xuất ván bóc,

cho thấy, đây cũng được coi là một trong những vùng nguyên liệu trọng điểm của tỉnh Yên Bái. Tổng hợp số liệu theo biểu đồ số 3.



Biểu đồ 3. Số lượng cơ sở chế biến ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Theo các vùng nguyên liệu hiện có và tập trung trên địa bàn tỉnh, loại gỗ Keo tai tượng là nguyên liệu thông dụng để sử dụng cho sản xuất ván bóc, với kích thước như sau: Gỗ tròn có đường kính từ 10 cm - 30 cm, cắt khúc có độ dài 2,6 m/khúc.

Qua quá trình khảo sát và tổng hợp thông tin thực tế tại 4 doanh nghiệp chế biến ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái cho thấy, tổng sản lượng ván bóc của các cơ sở này đạt khoảng 24.000 m³/cơ sở/năm, loại gỗ nguyên liệu chủ yếu là Keo Tai tượng, nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất được cung cấp thông qua đội ngũ thương lái, trực tiếp mua từ các HGĐ và tổ chức trồng rừng với giá trung bình 1,5 triệu đồng/tấn gỗ. Trang thiết bị của các cơ sở chế biến được nhập khẩu 100% từ Trung Quốc từ những năm 2008. Công nghệ đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất ván bóc theo quy cách dài 1,3 - 2,6 m, độ mỏng lớn hơn hoặc bằng 2 mm. Các tổ chức chế biến này có khoảng trên 20 lao động có tham gia BHXH, lương bình quân khoảng 6 triệu đồng/người/tháng, trong đó tỷ lệ lao động trực tiếp sản xuất đã qua đào tạo nghề chỉ đạt khoảng 20%.

Đối với các cơ sở chế biến ván bóc quy mô hộ gia đình, sản lượng chế biến ván bóc trung bình đạt khoảng 240 - 300 m³/tháng. Gỗ nguyên liệu cho chế biến ván bóc có quy cách đường kính

yêu cầu từ 10 - 30 cm, độ dài 2,6 m/khúc. Các hộ gia đình chế biến chủ yếu mua gỗ tròn nguyên liệu từ thương lái (70%) và mua lại từ các cơ sở chế biến khác (30%).

3.5. Thương mại ván bóc

Sản lượng chế biến ván bóc hàng năm của tỉnh Yên Bái đạt khoảng hơn 430.892 m³/năm. Tuy nhiên, nhiều cơ sở chế biến ván bóc cho biết, sang đầu năm 2023, sản lượng ván bóc giảm rất nhiều so năm 2022, do giảm nhu cầu của thị trường xuất khẩu và phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường Trung Quốc. Nhiều cơ sở có số lượng lớn ván bóc tồn kho, khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, mặc dù giá bán đã giảm mạnh từ 300.000 - 500.000 đồng/m³. Nhiều doanh nghiệp chế biến ván bóc tại Yên Bái đã tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ và đơn vị bao tiêu ván bóc để duy trì sản xuất ổn định. Trên địa bàn tỉnh có 02 doanh nghiệp lớn thu mua lượng lớn ván bóc của các cơ sở sản xuất là Công ty TNHH ngành gỗ Thiên An Việt Nam và Công ty TNHH Hoàng Gia Yên Bái, sản lượng thu mua trên địa bàn và xuất khẩu hàng năm đạt trên 68.000 m³ ván bóc.

Ngoài ra, sản lượng ván bóc trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ tại các doanh nghiệp sản xuất ván dán trong tỉnh và ngoài tỉnh. Thông qua các trung gian thương mại ván bóc và các doanh

nghiệp chế biến ván dán có các cơ sở sản xuất ván bóc vệ tinh, sản lượng ván bóc dùng cho sản xuất ván dán trong nước chiếm tỷ trọng không cao, chiếm khoảng 30% sản lượng, 70% còn lại thường được tiêu thụ qua các đại lý, bán buôn, bán lẻ và thu mua cho xuất khẩu. Ván dán được sản xuất làm nguyên liệu cho chế biến sản phẩm gỗ và sử dụng làm cốt pha trong xây dựng. Giá bán ván bóc thời điểm năm 2022 dao động từ 2,6 - 3,1 triệu đồng/m³ ván bóc, mức dao động đạt 19,2% là tương đối lớn và nhiều rủi trong sản xuất.

Sự phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc gây ra rủi ro nếu có biến động về chính sách hoặc nhu cầu từ phía đối tác. Điều này đòi hỏi chất lượng ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái cần được nâng cao để có thể tham gia vào các thị trường quốc tế khác. Các cơ sở tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của ngành sản xuất và thương mại ván bóc.

3.6. Những tồn tại trong chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái

Qua kết quả điều tra khảo sát thực trạng chuỗi giá trị ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái hiện nay còn một số tồn tại sau đây.

** Tồn tại trong khâu trồng rừng:*

- Nguồn cây giống sử dụng đối với các hộ gia đình phần lớn chưa kiểm soát được nguồn gốc cây giống, chất lượng giống chưa đảm bảo nên ảnh hưởng đến sinh trưởng cây trồng và thu nhập từ rừng. Trên địa bàn thiếu các cơ sở cung cấp giống cây đạt tiêu chuẩn, người dân thiếu kiến thức về kiểm soát nguồn giống và lựa chọn cây giống phù hợp và chất lượng tốt.

- Mật độ rừng trồng khá dày, một số nơi lên - 4.000 cây/ha. Điều này thực sự làm cây trồng cạnh tranh nhau về nguồn dinh dưỡng dẫn đến cây sinh trưởng chậm và dễ bị bệnh, điều quan trọng là không tạo được nhiều sản lượng gỗ có chất lượng tốt và đủ quy cách cho sản xuất ván bóc.

- Tỷ lệ xử lý thực bì theo hình thức phát đốt còn khá cao, dẫn đến thiếu bền vững về mặt môi trường và tăng lượng phát thải khí nhà kính.

** Tồn tại trong khâu khai thác:*

- Máy móc sử dụng trong khai thác chủ yếu là dùng cưa xăng và sức người chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác lớn. Phương tiện chuyên chở gỗ đều là các xe tải cải tiến, thiếu xe chuyên dụng, không đảm bảo an toàn trong khai thác.

- Rừng khai thác nằm ở các vị trí đi lại khó khăn có độ dốc cao, diện tích khai thác manh mún, chi phí làm đường vận xuất - vận chuyển lớn (khoảng 5 - 10 triệu đồng/ha), chi phí khai thác cao gây ảnh hưởng đến thu nhập khi bán rừng.

- Thiếu liên kết trong trồng rừng với tiêu thụ gỗ.

** Tồn tại trong khâu chế biến ván bóc*

- Nguồn nguyên liệu có chất lượng và đủ quy cách chế biến ván bóc không đủ để cung cấp đều đặn cho hoạt động sản xuất là một trong những khó khăn lớn nhất. Cụ thể tổng lượng gỗ nguyên liệu cung cấp cho hoạt động sản xuất chỉ đạt 714.672 m³/năm, trong khi đó tổng công suất thiết kế của các cơ sở này đạt đến 3.553.740 m³/năm. Có nhiều tháng trong năm, các cơ sở chế biến này buộc phải dừng hoạt động sản xuất hoặc chỉ duy trì sản xuất ở mức cầm chừng do khan hiếm nguyên liệu và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm. Thiếu hụt nguyên liệu ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đảm bảo đơn hàng và giữ chân khách hàng.

- Công nghệ sản xuất của các cơ sở sản xuất ván bóc còn nhiều lạc hậu, thiếu máy móc, thiết bị chuyên dụng hiện đại. Thiếu hệ thống lò sấy khô, các cơ sở áp dụng phương pháp sấy bằng phơi nắng để sấy ván bóc, điều này đòi hỏi cần diện tích phơi lớn, nhiều nhân công. Thêm vào đó, máy móc thiết bị có đến hơn 70% là nhập khẩu từ Trung Quốc từ những năm 2008 - 2009, quy trình sản xuất còn nhiều khâu thủ công, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm ván bóc. Do đó, việc có mặt tại các thị trường lớn nhưng khó tính như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc là một thách thức không nhỏ với các doanh nghiệp chế biến gỗ ở Yên Bái.

- Liên kết trong chế biến: Phần lớn các cơ sở chế biến không có được liên kết chính thức với các đối tác cung cấp nguyên liệu hay tiêu thụ sản phẩm.

** Tồn tại trong khâu thương mại ván bóc*

- Việc tiêu thụ ván bóc phụ thuộc lớn vào thương nhân thu gom ván bóc và các công ty chế biến ván dán nhưng lại thiếu liên kết nên không đảm bảo tính bền vững. Mặt khác do nguồn nguyên liệu không ổn định, chi phí sản xuất cao, khó khăn trong tiêu thụ ván và thiếu chủ động trong sản xuất.

- Ngoài ra, việc tiêu thụ sản phẩm cũng gặp nhiều trở ngại do khó mở rộng đầu ra xuất khẩu, vì phụ thuộc rất nhiều vào thị trường Trung Quốc, trong khi đó thị trường tiêu thụ nội địa rất hạn chế.

Tất cả những tồn tại này rất cần phải được xem xét, đánh giá một cách toàn diện để có các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo chuỗi giá trị ván bóc có hiệu quả cao và bền vững.

IV. KẾT LUẬN

- Chuỗi giá trị ván bóc tỉnh Yên Bái được cấu trúc gồm 4 khâu chính: (1) Trồng rừng tạo nguyên liệu; (2) Khai thác, vận chuyển, thương mại gỗ; (3) Chế biến ván bóc; (4) Thương mại ván bóc.

- Loài cây trồng rừng cung cấp gỗ nguyên liệu cho ván bóc chủ yếu là Keo tai tượng có chu kỳ kinh doanh tối thiểu là 6 năm; gỗ cho sản xuất ván bóc có quy cách đường kính gỗ tối thiểu là 10 cm và không có chứng chỉ rừng.

- Phần lớn diện tích rừng trồng được bán theo hình thức bán cây đứng cho thương lái khai thác, sau đó gỗ được phân loại và vận chuyển đến các cơ sở sản xuất ván bóc.

- Ván bóc được sản xuất theo quy mô hộ gia đình là chủ yếu. Thị trường tiêu thụ ván bóc chính là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và sản lượng nhỏ ván bóc cho sản xuất ván dán tại các doanh nghiệp chế biến trong và ngoài tỉnh.

- Trong chuỗi giá trị ván bóc, các khâu sản xuất còn nhiều tồn tại như: Các hộ trồng rừng chưa kiểm soát được nguồn gốc cây giống, chất lượng cây giống không cao, vị trí lô rừng chủ yếu có độ dốc cao và khó vận xuất gỗ dẫn đến chi phí trồng và khai thác lớn, thiếu liên kết bền vững theo chuỗi giá trị; Thị trường ván bóc hoàn toàn phụ thuộc thị trường Trung Quốc, biến động giá lớn và nhiều rủi ro về thị trường; Công nghệ sản xuất ván bóc chưa hiện đại chủ yếu nhập từ Trung Quốc từ những năm 2008, chưa đảm bảo được chất lượng ván bóc để có thể tham gia các thị trường quốc tế có yêu cầu chất lượng cao như Hàn Quốc, Nhật Bản,... Do vậy, cần có giải pháp đồng bộ và sự quan tâm từ Trung ương đến địa phương và các hiệp hội liên quan đến lâm nghiệp và chế biến gỗ tham gia hỗ trợ, thúc đẩy ngành chế biến ván bóc phát triển bền vững trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng chính phủ, 2021. Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
2. Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030.
3. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao, 2021. Hồ sơ thiết kế, dự toán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2022.
4. Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Yên Bái, 2022. Biểu thống kê các cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ - kết quả sản xuất, kinh doanh toàn tỉnh Yên Bái đến tháng 4 năm 2022.

Email tác giả liên hệ: kiemnguyengia@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/05/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/05/2024

Ngày duyệt đăng: 20/05/2024